TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2018/DS-PT
Ngày: 31/01/2018
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Phương

Ông Trần Phước Hội

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Xuyến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp: Bà Phạm Thị Thanh Hương, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 và ngày 31 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2016/TLPT-DS ngày 07 tháng 6 năm 2016 về tranh chấp dân sự hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2016/DS - ST ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2016/QĐ-PT ngày 13/7/2016; Quyết định hoãn phiên tòa số 165/2016/QĐ-PT ngày 28/7/2016; Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số 47/2016/QĐ-PT ngày 12/9/2016; Quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số 97/2017/QĐ-PT ngày 18/12/2017; Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 363/2017/QĐ – PT ngày 18/12/2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2018/QĐ-PT ngày 03/01/2018; Thông báo mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 17/01/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phùng Thị B (tên thường gọi Phùng Bạch T), sinh 1962; Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà B: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị C, sinh năm 1959; Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Chị Lại Phan Xuân P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C: Luật sư H và Luật sư E – Văn phòng Luật sư X, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- NLQ1, sinh năm 1983;

- NLQ2, sinh năm 1986;

- NLQ3, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- NLQ4, sinh năm 1991.

Cư trú: Đường L, phường J, thành phố V, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ4: Chị Lại Phan Xuân P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- NLQ5, sinh năm 1953; Địa chỉ: Ấp A, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại theo ủy quyền của NLQ5: Anh Nguyễn Văn G, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khóm B, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: NLQ3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

(Có mặt anh G, chị P, Luật sư E; vắng mặt: Luật sư H).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phùng Thị B và NLQ5 trình bày: Năm 1995, bà B có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Kế M (đã chết) là chồng của bà C diện tích theo như đo đạc của Tòa án là 61,9m^2. Ngang giáp lộ đal là 4,45m, ngang giáp sông Ngã Bát là 5,4m, dài giáp đất ông H là 13,07m, dài giáp thửa đất số 99 còn lại là 12,39m. Sử dụng để cất nhà ở, thuộc một phần của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc Ấp A, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp với giá là 3,7 chỉ vàng 24k (vàng 9,5 tuổi). Sau khi chuyển nhượng bà B về cất nhà ở (kết cấu nhà bằng gỗ tạp) và trồng cây trái, sau đó có sửa chữa nhà nhiều lần và hiện tại nhà bằng gỗ tạp, lợp tol, vách tol, nền lót gạch men. Khi chuyển nhượng bà B và ông M có làm giấy sang nhượng đất nền nhà, hiện tại bà B đang giữ giấy. Đến năm 2011, ông M chết. Năm 2014, bà B đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất thì bà Võ Thị C ngăn cản không cho. Nay anh G đại diện theo ủy

quyền của bà B yêu cầu Tòa án công nhận cho bà B được quyền sử dụng đất, vì bà B đã cất nhà ở ổn định từ năm 1995 đến nay. Không đồng ý tháo dở nhà trả lại đất theo yêu cầu của NLQ3 và bà C.

- NLQ3 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đồng thời cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị C, NLQ1, NLQ2, NLQ4 trình bày: Hiện hộ NLQ3 có thửa đất số 99, tờ bản đồ số 38, nguồn gốc đất này trước đây là của ông bà nội cho cha mẹ sử dụng vào khoảng 1980, nhưng đến nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ). Vào khoảng 1995, bà B có hỏi ông M và bà C cất một cái trại ở nhờ (diện tích ngang 3m, dài 5m). Không làm giấy tờ, thời gian ở nhờ nếu thuận thảo thì cho ở hết đời bà B. Sau khi bà B cất trại ở đến năm 2010 bà B sửa chữa cất lại căn nhà ngang 4m, dài 9m kết cấu bằng gỗ tạp, lợp tol, vách tol, nền lót gạch men, lúc cất lại nhà thì gia đình NLQ3 và bà B còn thuận thảo, nên không tranh chấp. Cha mẹ NLQ3 cho bà B ở nhờ chứ không nhận vàng và tiền của bà B. Bà B cho rằng cha mẹ NLQ3 đã chuyển nhượng phần đất trên cho bà B với giá 3,7 chỉ vàng 24k là không đúng. Nay hộ NLQ3 không đồng ý thực hiện hợp đồng chuyển nhượng theo yêu cầu của bà B, đồng thời yêu cầu bà B tháo dở nhà trả lại đất tranh chấp.

- Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 15/2016/DS-ST ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Toà án nhân dân huyện L đã xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Phùng Thị B về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 61,9m^2 đất ở nông thôn, thuộc một phần của thửa đất số 99 tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bà Phùng Thị B được quyền sử dụng diện tích 61,9m^2 đất ở nông thôn, thuộc một phần của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc tại xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do ông M đứng tên trong sổ mục kê.

Tứ cận của diện tích 61,9m^2 như sau:

+ Ngang giáp lộ đal là 4,45m (tính từ M1 đến M4).

+ Ngang giáp với sông Ngã Bát là 5,40m (tính từ M2 đến M3).

+ Dài giáp với thửa đất số 99 còn lại là 12,39m (tính từ M1 đến M2).

+ Dài giáp với đất của ông H là 13,07m (tính từ M3 đến M4);

Mốc gửi của M1, M2, M3, M4 như sau:

+ Mốc M1 cách góc nền nhà phía trước của bà Võ Thị C (góc gần nhất) là 2,60m, cách góc nền nhà phía trước của bà Võ Thị C (góc xa nhất) là 6,10cm, cách trụ cổng trại hòm Trường Trinh (trụ gần nhất) là 9m;

+ Mốc M4 cách mốc M1 là 4,45m, cách trụ cổng nhà của ông H (trụ gần

nhất) là 9m;

+ Mốc M3 cách M4 là 13,07m, cách góc nhà tắm của ông T (góc gần nhất) là 16,60m;

+ Mốc M2 cách M3 là 5,40m, cách M1 là 12,39m.

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 25/3/2016 kèm theo).

3. Bà Phùng Thị B phải có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để đăng ký kê khai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được Toà chấp nhận.

4. Về án Phí:

Hộ bà Võ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng

Bà Phùng Thị B được nhận lại 696.000 đồng (sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai số 026484 ngày 24/12/2014, biên lai số 037206 ngày 13/01/2016 và biên lai số 00302 ngày 25/02/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

5. Lệ phí đo đạc, định giá, trưng cầu giám định:

Buộc hộ bà Võ Thị C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phùng Thị B tiền chi phí đo đạc, định giá và trưng cầu giám định là 4.645.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo và quyền, nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

- Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/4/2016, NLQ3 kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 15/2016/DS-ST ngày 29/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện L.

- Tại phiên tòa cấp phúc thẩm:

Luật sư E là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định bà Phùng Thị B và bà Phùng Bạch T có phải là một người hay không, tại Tòa án cấp phúc thẩm nguyên đơn có cung cấp xác nhận nhưng không đúng quy định pháp luật. Năm 2004, ông M có làm hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất xác định ranh không có tên bà B, nhưng bà B không phản đối. Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ việc bà B có trả cho bà C 3,7 chỉ vàng hay không, cũng không định giá tài sản theo thị trường. Từ đó, cho thấy bà C, ông M chỉ cho bà B ở nhờ. Nếu Tòa án cấp sơ thẩm xác định có chuyển nhượng thì chưa xem xét việc thực hiện hợp đồng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Văn G là người đại diện theo ủy quyền của bà B, NLQ5 trình bày: Căn cứ vào kết quả giám định và việc bà B đã sử dụng từ năm 1995 đến nay mà không có khiếu nại, nên đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu:

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng các quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Về đường lối xét xử đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của NLQ3, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của Luật sư và lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn kháng cáo, NLQ3 yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết vụ án minh bạch đầy đủ chứng cứ và những người có liên quan đến phiên tòa để giải quyết công khai, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phùng Thị B, là không có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào xác nhận của công an xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp ngày 22/01/2018 đã xác định tên Phùng Thị B và tên Phùng Bạch T là một người.

[2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy phần đất đang tranh chấp có diện tích 61,9m^2 đất ở nông thôn, thuộc một phần của thửa đất số 99, tờ bản đồ số 38, tọa lạc tại ấp A, xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp có nguồn gốc của cha mẹ cho ông M vào khoảng năm 1980. Sau khi được cho, hộ ông M sử dụng cất nhà ở. Hiện nay, phần đất đang tranh chấp do ông M đứng tên trong sổ mục kê. Bà B cho rằng diện tích 61,9m^2 đang tranh chấp bà B đã nhận chuyển nhượng với ông M. Bà B có cung cấp cho Tòa án tờ sang nhượng đất nền nhà ghi ngày 22/6/1995, người ký sang nhượng là ông M. Phía bị đơn cho rằng tờ sang nhượng đất nền nhà ghi ngày 22/6/1995 mà bà B cung cấp cho Tòa án là không phải của ông M ký. Tuy nhiên, tại kết luận số 473 ngày 17/10/2015 của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Đồng Tháp kết luận chữ ký tại tờ sang nhượng đất nền nhà ngày 22/6/1995 là do M ký. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, NLQ3 không đồng ý với kết quả giám định của Phòng kỹ thuật Công an tỉnh Đồng Tháp nên yêu cầu giám định lại. Theo đó, kết luận số 1366/C54B ngày 20/4/2017 của Phân viện KHHS tại TP Hồ Chí Minh không kết luận được chữ ký, chữ viết họ tên ông M trong Tờ sang nhượng ngày 22/6/1995 và chữ viết, chữ ký tên trong mẫu so sánh là cùng một người ký và viết ra; sau đó, ngày 24/11/2017 Viện Khoa học Hình sự, Bộ công an có kết luận số 383/C54-P5 kết luận: Chữ ký đứng tên ông M dưới mục "Người sang nhượng" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký đứng tên ông M trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M4, M6, M7 và M9 do cùng một người ký ra; những người viết ra

tên dưới mẫu chữ ký so sánh ký hiệu từ M1 đến M7, M9 không viết ra các chữ "Nguyễn Văn Kế M" dưới mục "Người sang nhượng" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A. Như vậy, căn cứ vào Tờ sang nhượng đất nền nhà ngày 22/6/1995 và kết luận giám định cho thấy lời trình bày của bà B về việc ông M đã chuyển nhượng cho bà diện tích đất là 61,9m^2 với giá là 3,7 chỉ vàng 24k vàng 9,5 tuổi, lúc chuyển nhượng có làm giấy tay, nhưng không làm thủ tục sang tên lý do đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt Giấy CNQSDĐ) là có cơ sở.

[3] Mặt khác, phía bị đơn cũng thừa nhận bà B đã cất nhà trên phần đất đang tranh chấp từ năm 1995 và đã nhiều lần sửa chữa nhà, hiện tại nhà bà B được xây dựng bằng khung gỗ tạp, lợp tol, vách tol, xây bó nền lót gạch men là phù hợp với khoảng thời gian thực hiện Tờ sang nhượng đất nền nhà nói trên. Đến năm 2014, bà B đăng ký kê khai quyền sử dụng đất thì hộ bà C ngăn cản và phát sinh tranh chấp.

[4] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, chị P là người đại diện theo ủy quyền của bà C và NLQ3 khai nại cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ nhưng chưa làm rõ bà B đã trả cho bà C 3,7 chỉ vàng hay chưa nên yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét nếu công nhận hợp đồng thì buộc bà B trả cho bà C giá trị đất theo giá thị trường. Tuy nhiên, tại Tòa án cấp sơ thẩm bà C và NLQ3 không yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét.

[5] Từ những phân tích trên, có thể xác định năm 1995 ông M có chuyển nhượng cho bà Phùng Thị B diện tích 61,9m^2 với giá là 3,7 chỉ vàng 24k vàng 9,5 tuổi và bà B đã sử dụng cất nhà ở ổn định từ năm 1995 đến nay nên việc bà Phùng Thị B yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà B với ông M là phù hợp pháp luật nên chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của NLQ3, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Đối với đơn yêu cầu miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm của bà C, do bà C không kháng cáo trong vụ án nên Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét đơn yêu cầu của bà.

[7] Đối với lời trình bày của Luật sư E là không có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[8] Đại diện viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Dũng, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

[9] Do giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm nên NLQ3 phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 và khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của NLQ3.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2016/STDS ngày 29/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện L.

3. Chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị B (Phùng Bạch T) về việc yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với diện tích 61,9m^2 đất ở nông thôn, thuộc một phần thửa số 99, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc tại xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

4. Bà Phùng Thị B (Phùng Bạch T) được quyền sử dụng diện tích 61,9m^2 đất ở nông thôn, thuộc một phần thửa số 99, tờ bản đồ số 38, đất tọa lạc tại xã D, huyện L, tỉnh Đồng Tháp do ông M đứng tên trong sổ mục kê.

- Tứ cận của diện tích 61,90m^2 như sau:

+ Ngang giáp đường đal là 4,45m (tính từ M1 đến M4).

+ Ngang giáp với sông Ngã Bát là 5,40m (tính từ M2 đến M3).

+ Dài giáp với thửa đất số 99 còn lại là 12,39m (tính từ M1 đến M2).

+ Dài giáp với đất của ông H là 13,07m (tính từ M3 đến M4).

- Mốc gửi của M1, M2, M3, M4 như sau:

+ Mốc M1 cách góc nền nhà phía trước của bà Võ Thị C (góc gần nhất) là 2,60m, cách góc nền nhà phía trước của bà Võ Thị C (góc xa nhất) là 6,10cm, cách trụ cổng trại hòm Trường Trinh (trụ gần nhất) là 9m.

+ Mốc M4 cách mốc M1 là 4,45m, cách trụ cổng nhà của ông H (trụ gần nhất) là 9m.

+ Mốc M3 cách M4 là 13,07m, cách góc nhà tắm của ông T (góc gần nhất) là 16,60m.

+ Mốc M2 cách M3 là 5,40m, cách M1 là 12,39m

(Có biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và sơ đồ đo đạc ngày 25/3/2016 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện L kèm theo).

5. Bà Phùng Thị B (Phùng Bạch T) phải có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền về quản lý đất đai để đăng ký kê khai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo diện tích được Toà chấp nhận.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hộ bà Võ Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 200.000 đồng

- Bà Phùng Thị B (Phùng Bạch T) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà B được nhận lại 696.000 đồng (sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo các biên lai số: 026484 ngày 24/12/2014, 037206 ngày 13/01/2016 và 00302 ngày 25/02/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: NLQ3 phải chịu 200.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai số 00465 ngày 16/5/2016 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L.

8. Chi phí đo đạc, định giá, trưng cầu giám định sơ thẩm:

Hộ bà Võ Thị C phải chịu chi phí đo đạc, định giá và trưng cầu giám định là 4.645.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng). Hộ bà Võ Thị C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Phùng Thị B số tiền 4.645.000 đồng (Bốn triệu sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) nêu trên cho bà Phùng Thị B (Phùng Bạch T) do bà B đã chi xong.

9. Chi phí giám định phúc thẩm: NLQ3 phải chịu chi phí trưng cầu giám định tại cấp phúc thẩm với số tiền 7.666.000 đồng. NLQ3 đã chi xong.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng KTNV và THA;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS x.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Hồng Nước